

Câu 2:

HÌNH THỨC CHÍNH THỂ CỦA NHÀ NƯỚC: là cách thức tổ chức, trình tự thành lập và quan hệ của các cơ quan quyền lực nhà nước tối cao cũng như mức độ tham gia của nhân dân vào việc thiết lập các cơ quan này. Có thể có hai dạng chính thể chủ yếu là **chính thể quân chủ và chính thể cộng hòa**.

- Hình thức chính thể quân chủ xuất hiện trong nhà nước quân chủ, quyền lực tối cao tập trung trong toàn bộ hay một phần chủ yếu vào tay người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc thừa kế (vua, quốc vương, hoàng đế).
- Hình thức chính thể cộng hòa xuất hiện trong nhà nước cộng hòa, quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một cơ quan tập thể được bầu ra trong thời hạn nhất định (ví dụ, đại hội nhân dân trong nhà nước cộng hòa dân chủ A-then cổ đại, nghị viện của nhà nước cộng hòa tư sản, quốc hội của nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa).

CHÍNH THỂ QUÂN CHỦ lại được chia làm 2 loại: chính thể quân chủ tuyệt đối
chính thể quân chủ hạn chế

Trong nhà nước quân chủ tuyệt đối, người đứng đầu nhà nước có quyền lực vô hạn, còn nhà nước quân chủ hạn chế quyền lực tối cao của nhà nước được phân chia cho người đứng đầu nhà nước và một cơ quan nhà nước khác (ví dụ, nghị viện trong những nước có chế độ quân chủ lập hiến như Nhật Bản, Anh,..., hệ thống nghị viện này có sự phân biệt rõ ràng giữa người đứng đầu chính phủ và nguyên thủ quốc gia, người đứng đầu Chính phủ là thủ tướng, và nguyên thủ quốc gia thường là người được chỉ định chỉ có danh nghĩa hay được thừa kế có quyền rất giới hạn.

CHÍNH THỂ CỘNG HÒA cũng gồm 2 loại: cộng hòa dân chủ
cộng hòa quý tộc

Trong nhà nước cộng hòa dân chủ, pháp luật quy định quyền bầu cử cho công dân để thành lập nên các cơ quan quyền lực nhà nước tối cao (trên thực tế chỉ trong nhà nước cộng hòa dân chủ XHCN quyền bầu cử của công dân mới được thực hiện đầy đủ, còn ở các nước cộng hòa dân chủ chủ nô hay cộng hòa dân chủ tư sản thì việc quy định này chỉ mang tính chất hình thức). Còn ở nhà nước cộng hòa quý tộc thì quyền bầu cử chỉ dành riêng cho giới quý tộc, do pháp luật quy định và bảo đảm thực hiện (ví dụ nhà nước cộng hòa chủ nô Spac thế kỉ VI – IV trước Công Nguyên, nhà nước cộng hòa quý tộc chủ nô ở La Mã cổ đại thế kỉ VI – I trước Công Nguyên, chế độ cộng hòa quý tộc thành phố ở một số thành phố Châu Âu dưới chế độ phong kiến như Venenxơ, Pholorenxơ (Italia), Nốp-gô-rôt, Pơ – scốp (Nga)).

Trong nhà nước XHCN, quyền lực của nhà nước bắt nguồn từ nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do đó về mặt chính thể tất cả các nhà nước XHCN đều là nhà nước cộng hòa dân chủ XHCN với đặc trưng cơ bản của nó là nhân dân trực tiếp tham gia ngày càng đông đảo vào việc xây dựng các cơ quan quyền lực cấp cao và ở địa phương, cũng như tham gia vào quản lí nhà nước nói chung.

HÌNH THỨC CẤU TRÚC NHÀ NƯỚC: là sự cấu tạo (tổ chức) nhà nước thành các đơn vị hành chính – lãnh thổ và tính chất quan hệ giữa những bộ phận cấu thành nhà nước với nhau, giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và các cơ quan nhà nước ở địa phương. Hình thức cấu trúc nhà nước có hai dạng là nhà nước đơn nhất và nhà nước liên bang.

NHÀ NƯỚC ĐƠN NHẤT là nhà nước có chủ quyền chung, có lãnh thổ toàn vẹn, thống nhất, các bộ phận hợp thành nhà nước là các đơn vị hành chính – lãnh thổ không có chủ quyền, có một hệ thống các cơ quan nhà nước (cơ quan quyền lực, cơ quan hành chính, cơ quan cưỡng chế,...) thống nhất từ trung ương đến địa phương, có một hệ thống pháp luật thống nhất trên toàn lãnh thổ quốc gia, công dân có một quốc tịch. Những nhà nước có hình thức đơn nhất hiện nay như Việt Nam, Trung Quốc, Lào, Campuchia, Ba Lan, Hungari, Pháp, Nhật,...

Nhà nước khác là nhà nước liên minh. Nhà nước liên minh chỉ là sự liên kết tạm thời của một vài nhà nước để thực hiện những mục đích nhất định, sau khi hoàn thành nhiệm vụ nhà nước liên minh tự giải tán hoặc có thể chuyển thành nhà nước liên bang (ví dụ, từ 1776 đến 1787 Hợp chúng quốc Hoa Kỳ là nhà nước liên minh, sau đó phát triển thành nhà nước liên bang).

Câu 7:

MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁP LUẬT VÀ ĐẠO ĐỨC:

Pháp luật và Đạo đức đều là những bộ phận của hình thái ý thức xã hội. Giữa chúng thường xuyên có những mối quan hệ, tác động qua lại đan xen lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau cho dù bản thân chúng có những điểm riêng biệt.

"Mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức giữ vị trí trung tâm, có vai trò quan trọng nhất, pháp luật và đạo đức có phạm vi điều chỉnh rộng, bao quát tất cả các lĩnh vực quan hệ xã hội" (Tác giả: Hoàng Thị Kim Quế - Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội). Xét ở góc độ cơ bản, đạo đức là hệ thống các quan điểm, quan niệm về điều thiện, ác, tốt, xấu... Như vậy, mặt xã hội càng văn minh hiện đại thì yếu tố đạo đức càng phải được coi trọng, tất nhiên, quan niệm về đạo đức ở mỗi thời điểm có những yêu cầu về chuẩn mực khác nhau. Ở Việt Nam đã có một thời với suy nghĩ chủ quan, duy ý chí bảo thủ cho rằng có thể dùng đạo đức truyền thống sẽ kéo dài được cơ chế kinh tế lạc hậu lên chủ nghĩa xã hội và đã đưa lại kết quả: Xã hội lạc hậu, kinh tế nghèo nàn... Ngày nay trước những hiện tượng "Tha hoá về lối sống, đạo đức" "Suy đồi về nhân cách"... do mặt trái của cơ chế thị trường gây ra chúng ta lại tỏ ra nghi ngờ về vai trò của đạo đức. Hậu quả của việc coi nhẹ việc giáo dục đạo đức.

Do đó, chúng ta cần tránh cả hai thái cực hoặc là duy đạo đức trong việc giải quyết mọi vấn đề của đời sống xã hội hoặc coi nhẹ, tách rời yếu tố đạo đức.

Ở sự thống nhất giữa Pháp luật và Đạo đức theo tác giả Hoàng Thị Kim Quế thì: "Pháp luật và Đạo đức có mối quan hệ hữu cơ, bổ sung, hỗ trợ cho nhau, tạo nên sự điều chỉnh mạnh mẽ nhất đối với hành vi của con người".

Trên thực tế ở khía cạnh đạo đức pháp lý nó thể hiện ở lòng vị tha, nhân xử giữa con người với con người: Lương tâm, trách nhiệm của những người thực thi pháp lý, cân cân nẩy mực, nhằm đưa ra được các phán quyết thấu tình, đạt lý thể hiện tính giáo dục cao của hệ thống pháp luật tạo niềm tin cho mọi người vào công lý, chế độ. Chính vì những lý lẽ đó mà trong các văn bản quy phạm pháp luật của chúng ta đã có nhiều điều khoản ghi nhận về vấn đề này: qui định các tình tiết giảm nhẹ hoặc có thể được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp như: Hành vi "tự thú"; Hành động trong trường hợp như: Hành vi "tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ". Qua đây chúng ta thấy rằng có sự kết hợp chặt chẽ giữa các quy phạm pháp luật cùng với sự phạm đạo đức trong việc đấu tranh chung phòng và chống vi phạm pháp luật.

Từ những phân tích trên đây, ta có thể nhận thấy rằng giữa pháp luật và Đạo đức xét về mức độ ảnh hưởng, phạm vi điều chỉnh ở một mức độ tương đối có một số nét khác biệt. Vấn đề quan trọng ở đây đó là phải tìm được "điểm tốt" kết hợp giữa pháp luật - tính răn đe trừng trị nghiêm khắc cùng với đạo đức - tính giáo dục thuyết phục, cảm hoá đối tượng, chủ thể vi phạm nhằm đạt được tính hiệu quả tốt nhất trong quản lý xã hội, con người.

Ngày nay, trong cuộc sống hiện đại, sự đan xen tác động qua lại "giữa các hành vi vi phạm pháp luật và vi phạm đạo đức có mối liên hệ rất chặt chẽ đến mức không thể tách rời ra để khắc phục và đấu tranh" (Tác giả Hoàng Thị Kim Quế). Chúng ta có thể kể ra đây một vài dẫn chứng: Bài ký sự "Trước số phận một con người" - Tác giả Lâm Hạnh đăng trên báo Pháp Luật có nội dung: do có quan hệ bạn bè mà sinh viên Trần Thanh Giang - Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội đã cho Đăng và Dũng vào phòng trọ học của mình hít hê rô in. - Kết

cục Giang bị tuyên án phạt 7 năm tù giam tội danh chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy".

- Còn lại Dũng và Đăng chỉ bị xử phạt hành chính vì vi phạm lần đầu.

Vấn đề ở đây là: Chế tài hình sự được áp dụng với hành vi vi phạm pháp luật là sự thật không thể chối cãi được. Song cả chủ tọa phiên tòa và những người tham gia tố tụng, nhân dân, dư luận xã hội, và đặc biệt là "Toà án lương tri" trong mỗi người chúng ta mách bảo rằng cuộc đời của Giang sẽ gặp rất nhiều khó khăn... và giá như ở đây toà án lương tâm" Đạo đức được "thay mặt", "nhân danh" luật pháp làm tròn bổn phận của mình thì sẽ đưa lại điều tốt đẹp hơn để điều chỉnh hành vi thiếu sự hiểu biết về pháp luật của Giang. Đồng thời nói lên tính độc lập của Toà án trong quá trình ra các phán quyết sao cho bản án bảo đảm được: tính nghiêm minh của pháp luật, thể hiện được tính giáo dục cao, tính khoan hồng của pháp luật và tránh được sự áp dụng pháp luật một cách máy móc không phù hợp, dập khuôn các điều luật cụ thể, làm mất đi tính sáng tạo của những người "cầm cân nảy mực" trong quá trình áp dụng pháp luật.

Song rất đáng tiếc rằng lâu nay nguyên tắc này ở chúng ta chỉ tồn tại trên lý thuyết mà thôi.

Như vậy, giữa các qui phạm pháp luật và qui phạm đạo đức có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau. Để phát huy tối đa hiệu quả của mối quan hệ này đòi hỏi chúng ta phải tiến hành áp dụng rất nhiều các biện pháp khác nhau từ việc giáo dục, nâng cao ý thức đạo đức, trình độ pháp lý, phát triển kinh tế - xã hội, phát huy dân chủ nhằm tiến tới đạt được một nền văn hoá đạo đức pháp lý hoàn thiện hơn nữa.

MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁP LUẬT VÀ TẬP QUÁN:

Cùng với pháp luật, tập quán cũng là công cụ hữu hiệu, quan trọng trong việc điều chỉnh, tổ chức, quản lý những hành động chung của con người. Pháp luật và tập quán là hai quy phạm có mối liên hệ chặt chẽ, cùng song song tồn tại nhưng lại bổ sung và hoàn thiện lẫn nhau.

Phong tục tập quán là những quy tắc xử sự mang tính cộng đồng, phản ánh nguyện vọng của toàn thể dân chúng qua nhiều thế hệ trong một cộng đồng tự quản. Còn pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp hay lực lượng cầm quyền trong xã hội, là nhân tố điều chỉnh các quan hệ trong xã hội. Tuy có sự khác nhau về quá trình hình thành và phát triển, chủ thể ban hành và phạm vi tác động,...nhưng giữa phong tục tập quán và pháp luật lại có mối quan hệ qua lại, tác động lẫn nhau.

a. Vai trò của phong tục tập quán đối với pháp luật:

Đối với sự hình thành nhà nước: Khi chưa có pháp luật thì phong tục tập quán là công cụ quan trọng và phổ biến để điều chỉnh các mối quan hệ trong xã hội. Vì vậy khi pháp luật xuất hiện thì rất nhiều tập tục được pháp luật hóa. Những phong tục tập quán phù hợp với ý chí của nhà nước thì sẽ được thừa nhận và trở thành pháp luật. Ngược lại, những phong tục tập quán không phù hợp sẽ làm tiền đề để nhà nước đặt ra các quy định loại bỏ nó hay còn gọi là "luật cấm". Phong tục tập quán là nguồn hình thức của pháp luật đã được thể hiện cụ thể trong một số đạo luật của nước ta. Ví dụ, Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: " Trong trường hợp pháp luật không wuy định và các bên không thỏa thuận thì có thể áp dụng tập quán;...Tập quán...không được trái với những nguyên tắc quy định trong bộ luật này", hoặc theo Điều 6 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì " trong quan hệ hôn nhân và gia đình , những phong tục tập quán thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc mà không trái với những nguyên tắc quy định của Luật này thì được tôn trọng và phát huy".

b. Vai trò của pháp luật đối với phong tục tập quán:
Pháp luật góp phần củng cố và phát huy vai trò của phong tục tập quán tốt đẹp, phù hợp với ý chí và nguyện vọng của nhà nước và nhân dân. Đồng thời, pháp luật ra đời đã ngay lập tức loại bỏ những tập tục trái với ý chí của nhà nước. Như vậy, về cơ bản pháp luật không ngăn cấm, loại bỏ những phong tục tập quán tốt đẹp mà tạo điều kiện cho những phong tục tập quán đó trở thành những nét đẹp văn hóa trong đời sống xã hội. Còn những phong tục tập quán lạc hậu, cổ hủ, trở nên mâu thuẫn với pháp luật sẽ bị loại bỏ. Tóm lại, phong tục tập quán và pháp luật là hai hình thức giữ vai trò công cụ quan trọng, không thể thiếu trong việc điều chỉnh những hành vi ứng xử, đạo đức của con người. Một dân tộc với những tinh hoa của phong tục tập quán và những giá trị nghiêm minh của pháp luật song song tồn tại sẽ là động lực thúc đẩy quá trình hội nhập với nền văn minh tiên tiến của nhân loại mà Việt Nam là một điển hình tiêu biểu.

Câu 11:

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT:

a. Khái niệm:

Thực hiện pháp luật là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các chủ thể pháp luật. Những hành vi hợp pháp là hành vi phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho xã hội, cho Nhà nước, cho cá nhân. Hành vi hợp pháp có thể được thực hiện trên cơ sở nhận thức của chủ thể là cần thiết phải xử sự theo đúng quy định của pháp luật. Cũng có thể chúng được thực hiện do chủ thể bị ảnh hưởng bởi những người xung quanh chứ bản thân người thực hiện hành vi đó chưa hoặc không nhận thức được đầy đủ tại sao lại phải làm như vậy. Còn có thể có những hành vi hợp pháp được thực hiện do kết quả của việc áp dụng những biện pháp cưỡng chế nhà nước hoặc do sợ bị áp dụng những biện pháp đó.

b. Các hình thức thực hiện pháp luật:

Các quy phạm pháp luật rất đa dạng và phong phú nên hình thức thực hiện chúng cũng rất đa dạng, phong phú.

Căn cứ vào tính chất của các hoạt động thực hiện pháp luật, khoa học pháp lý đã xác định những hình thức thực hiện pháp luật sau:

Tuân theo (tuân thủ) *pháp luật* (xử sự thụ động) là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật kiểm chế không tiến hành những hoạt động mà pháp luật ngăn cấm. Những quy phạm pháp luật cấm trong luật hình sự, hành chính... được thực hiện dưới hình thức này. *Thi hành* (chấp hành) *pháp luật* là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực. Những quy phạm pháp luật bắt buộc (những quy phạm quy định nghĩa vụ phải thực hiện những hành vi tích cực nhất định) được thực hiện ở hình thức này.

Sử dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật thực hiện quyền chủ thể của mình (thực hiện những hành vi mà pháp luật cho phép). Những quy phạm pháp luật quy định các quyền và tự do dân chủ của công dân được thực hiện ở hình thức này. Hình thức sử dụng pháp luật khác với hình thức chấp hành pháp luật ở chỗ chủ thể pháp luật có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền được pháp luật cho phép theo ý chí của mình, chứ không bị bắt buộc phải thực hiện.

Ngoài quan niệm phổ biến về các hình thức thực hiện pháp luật kể trên, trong sách báo pháp lý còn có một quan niệm có phần khác với quan niệm trên. Đó là quan niệm được nêu ra trong cuốn *Những vấn đề lý luận có bản về Nhà nước và pháp luật*. Theo tác giả cuốn sách này, áp dụng pháp luật được thực hiện thông qua những hình thức sau:

1. Tuân thủ pháp luật, trong đó có việc không làm những gì pháp luật không cho phép hoặc ngăn cấm.
2. Thi hành pháp luật hoặc chấp hành pháp luật, trong đó có việc thực hiện nghĩa vụ chủ thể.
3. Vận dụng (sử dụng) pháp luật.

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT:

a. Khái niệm:

Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó Nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật, hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật ra các quyết định áp dụng pháp luật vào trong những trường hợp cụ thể của đời sống xã hội.

b. Các trường hợp cần áp dụng pháp luật:

- Khi cần áp dụng các biện pháp cưỡng chế Nhà nước, hoặc áp dụng các chế tài pháp luật đối với những chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật. Ví dụ, một chủ thể pháp luật thực hiện hành vi phạm tội thì không phải ngay sau đó việc áp dụng trách nhiệm hình sự tự động phát sinh và người vi phạm tự giác chấp hành hình phạt tương ứng. Trong trường hợp này, cần có hoạt động của cơ quan tư pháp nhằm điều tra, truy tố, xét xử, ra bản án trong đó ấn định trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội và buộc người đó phải chấp hành bản án.
- Khi những quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể không mặc nhiên phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt nếu thiếu sự can thiệp của Nhà nước. Ví dụ, Điều 57 của Hiến pháp năm 1992 quy định công dân có quyền tự do kinh doanh, nhưng quyền này chỉ phát sinh khi công dân làm thủ tục đăng kí kinh doanh và được một cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh.
- Trong một số trường hợp mà Nhà nước thấy cần tham gia để kiểm tra, giám sát hoạt động của các bên tham gia vào quan hệ đó, hoặc Nhà nước xác nhận sự tồn tại hay không tồn tại một số sự việc, sự kiện thực tế. Ví dụ: việc chứng thực di chúc, chứng thực thể chấp...

c. Vai trò của áp dụng pháp luật:

- giúp các cơ quan Nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.
- Những quy phạm pháp luật nhất định được cá biệt hóa vào trong những trường hợp cụ thể của cuộc sống